

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYỀN QUANG

ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU LUẬT KINH DOANH BẢO HIỂM

Luật Kinh doanh bảo hiểm được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XV, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 16/6/2022, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023 và thay thế Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 ngày 09/12/2000 (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 61/2010/QH12 ngày 24/11/2010 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật số 42/2019/QH14 ngày 14/6/2019 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ); Chủ tịch nước ký Lệnh công bố số 06/2022/L-CTN ngày 28/6/2022.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT KINH DOANH BẢO HIỂM (SỬA ĐỔI)¹

1. Cơ sở chính trị

- Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 3 tháng 6 năm 2017 của Hội nghị lần thứ V Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nêu “*Phát triển cân bằng, đồng bộ thị trường tài chính. ...Phát triển thị trường bảo hiểm, thị trường dịch vụ kế toán, kiểm toán, tư vấn thuế, thẩm định giá...*”

- Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế đã nêu nhiệm vụ “*Hoàn thiện các quy định pháp luật về lĩnh vực bảo hiểm. Khuyến khích các doanh nghiệp bảo hiểm đầu tư trở lại nền kinh tế. Nâng cao năng lực quản lý, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm; thực hiện hiệu quả các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế trong lĩnh vực bảo hiểm*”.

- Quyết định số 242/2019/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “*Cơ cấu lại thị trường chứng khoán và thị trường bảo hiểm đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025*” xác định “*sửa đổi Luật Kinh doanh bảo hiểm và các văn bản hướng dẫn thi hành theo hướng quản lý, giám sát trên cơ sở rủi ro; xây dựng các tiêu chí giám sát nhằm đẩy mạnh công tác hậu kiểm thông qua thanh tra, kiểm tra*”.

- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Chính phủ ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XIII

¹ Tờ trình số 341/TTr-CP ngày 24/9/2021 của Chính phủ.

của Đảng cộng sản Việt Nam về đẩy mạnh cơ cấu lại các ngành dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số, phát triển các loại dịch vụ mới, xây dựng hệ sinh thái dịch vụ trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm,...

2. Cơ sở thực tiễn

Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 được Quốc hội khóa X kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2000 (*đã được sửa đổi, bổ sung một số điều vào năm 2010 và năm 2019*). Các Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm về cơ bản không làm thay đổi kết cấu, nội dung cơ bản của Luật Kinh doanh bảo hiểm mà chỉ sửa đổi, bổ sung một số điều để đáp ứng cam kết của Việt Nam khi gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (*Luật số 61/2010/QH12*) và Hiệp định đối tác toàn diện tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (*Luật số 42/2019/QH14*).

Đến nay, sau hơn 20 năm thi hành, các chính sách này đã phát huy tác dụng, là căn cứ, cơ sở pháp lý để xây dựng khung khổ pháp lý vững chắc, minh bạch cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm; tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng giữa các doanh nghiệp; đáp ứng nhu cầu tham gia bảo hiểm ngày càng đa dạng của các tổ chức, cá nhân; đảm bảo sự hài hòa giữa quản lý giám sát thận trọng và tạo sự chủ động trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, Luật còn bộc lộ một số tồn tại, hạn chế cần được nghiên cứu, sửa đổi, hoàn thiện để phù hợp hơn với thực tiễn.

Một là, cơ chế chính sách có những bất cập nhất định.

Một số quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm hiện hành không còn thống nhất, đồng bộ với quy định mới được sửa đổi, bổ sung tại Bộ Luật Dân sự năm 2015, dẫn đến thiếu những quy định mang tính đặc thù áp dụng cho lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia bảo hiểm. Luật Kinh doanh bảo hiểm hiện hành quy định nguyên tắc đối với phần lớn các chính sách trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm, nên đôi khi thiếu căn cứ hoặc có những khó khăn nhất định khi thực tế phát sinh. Một số quy định chưa theo kịp với thông lệ quốc tế, các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới, trong khi trên thị trường bảo hiểm đã có các doanh nghiệp bảo hiểm hàng đầu trên thế giới và khu vực.

Hai là, thị trường bảo hiểm cũng có những tồn tại.

Tiềm năng thị trường bảo hiểm còn rất lớn; nhu cầu bảo hiểm ngày càng cao, trong khi quy mô thị trường bảo hiểm còn khiêm tốn, với tỉ lệ doanh thu phí bảo hiểm/GDP còn thấp. Chất lượng sản phẩm, dịch vụ bảo hiểm còn chưa cao.

Thông tin và nguồn thông tin về doanh nghiệp bảo hiểm, sản phẩm bảo hiểm còn chưa đa dạng, đầy đủ, toàn diện, nên có những tranh chấp phát sinh. Vẫn còn hiện tượng tranh giành khách hàng dưới nhiều hình thức. Có tình trạng phí bảo hiểm chưa tương xứng với rủi ro được bảo hiểm. Hoạt động của đại lý, môi giới bảo hiểm chưa chuyên nghiệp, vẫn còn tình trạng tư vấn bảo hiểm chưa giải thích đầy đủ thông tin về sản phẩm, tìm hiểu chính xác khả năng tham gia bảo hiểm của bên mua bảo hiểm, xúi giục hay ép buộc tham gia bảo hiểm. Một số doanh nghiệp bảo hiểm trong nước có năng lực cạnh tranh thấp do vốn còn nhỏ, quản trị doanh nghiệp yếu, khả năng kiểm soát rủi ro của một số doanh nghiệp bảo hiểm còn hạn chế; chất lượng cán bộ chưa theo kịp và chưa đáp ứng với sự phát triển của thị trường.

III. BỐ CỤC CỦA LUẬT

Luật Kinh doanh bảo hiểm có 7 Chương, 157 Điều, cụ thể:

1. Chương I: Những quy định chung gồm 14 Điều (từ Điều 1 đến Điều 14) quy định về: (1) phạm vi điều chỉnh; (2) đối tượng áp dụng; (3) áp dụng Luật Kinh doanh bảo hiểm, luật khác có liên quan và tập quán quốc tế; (4) giải thích từ ngữ; (5) chính sách phát triển hoạt động kinh doanh bảo hiểm; (6) nguyên tắc cung cấp và sử dụng dịch vụ bảo hiểm; (7) các loại hình bảo hiểm; (8) bảo hiểm bắt buộc; (9) các hành vi bị nghiêm cấm; (10) tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm; (11) cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm; (12) ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm; (13) yêu cầu về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm; (14) cung cấp dịch vụ, sản phẩm bảo hiểm trên môi trường mạng.

2. Chương II: Hợp đồng bảo hiểm, gồm 47 điều (từ Điều 15 đến Điều 61), gồm 04 mục:

- **Mục 1: Quy định chung về hợp đồng bảo hiểm, gồm 17 điều (từ Điều 15 đến Điều 32)**, quy định về: (1) hợp đồng bảo hiểm; (2) nguyên tắc giao kết và thực hiện hợp đồng bảo hiểm; (3) nội dung của hợp đồng bảo hiểm; (4) hình thức, bằng chứng giao kết hợp đồng bảo hiểm; (5) điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm; (6) quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài; (7) quyền và nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm; (8) trách nhiệm và hậu quả pháp lý do vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin; (9) thay đổi mức độ rủi ro được bảo hiểm; (10) giải thích hợp đồng bảo hiểm; (11) hợp đồng bảo hiểm vô hiệu; đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng bảo hiểm; (12) hậu quả pháp lý của việc đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng bảo hiểm; (13) chuyển giao hợp đồng bảo hiểm; (14) trách nhiệm trong trường hợp tái bảo hiểm; (15) thời hạn nộp hồ sơ yêu cầu bồi thường, trả tiền bảo

hiểm; (16) thời hạn bồi thường, trả tiền bảo hiểm; (17) phương thức giải quyết tranh chấp.

- Mục 2: Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, hợp đồng bảo hiểm sức khỏe, gồm 10 điều (từ Điều 33 đến Điều 42), quy định về: (01) đối tượng bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, hợp đồng bảo hiểm sức khỏe; (2) quyền lợi có thể được bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, hợp đồng bảo hiểm sức khỏe; (3) thời gian cân nhắc tham gia bảo hiểm; (4) bảo hiểm tạm thời trong bảo hiểm nhân thọ; (5) đóng phí bảo hiểm nhân thọ; (6) không được yêu cầu người thứ ba bồi hoàn; (7) giao kết hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, hợp đồng bảo hiểm sức khỏe cho trường hợp chết của người khác; (8) các trường hợp không phải bồi thường, trả tiền bảo hiểm; (9) chỉ định, thay đổi người thụ hưởng; (10) hợp đồng bảo hiểm nhóm;

- Mục 3: Hợp đồng bảo hiểm tài sản, hợp đồng bảo hiểm thiệt hại, gồm 14 điều (từ Điều 43 đến Điều 56), quy định về: (1) đối tượng bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm tài sản, hợp đồng bảo hiểm thiệt hại; (2) quyền lợi có thể được bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm tài sản, hợp đồng bảo hiểm thiệt hại; (3) số tiền bảo hiểm; (4) thông báo khi sự kiện bảo hiểm xảy ra; (5) hợp đồng bảo hiểm tài sản trên giá trị; (6) hợp đồng bảo hiểm tài sản dưới giá trị; (7) hợp đồng bảo hiểm trùng; (8) tổn thất do hao mòn tự nhiên hoặc do bản chất vốn có của tài sản; (9) căn cứ bồi thường; (10) hình thức bồi thường; (11) giám định tổn thất; (12) chuyển quyền yêu cầu bồi hoàn; (13) các quy định về an toàn; (14) không được từ bỏ tài sản được bảo hiểm.

- Mục 4: Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm, gồm 14 điều (từ Điều 57 đến Điều 61), quy định về: (1) đối tượng bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm; (2) trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài; (3) giới hạn trách nhiệm bảo hiểm; (4) quyền đại diện cho người được bảo hiểm; (5) phương thức bồi thường.

3. Chương III. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, gồm 62 điều (từ Điều 62 đến Điều 123), gồm 9 mục:

- Mục 1: Giấy phép thành lập và hoạt động, gồm 15 điều (từ Điều 62 đến Điều 77), quy định về: (1) các hình thức tổ chức hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm; (2) nội dung hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam; (3) điều kiện chung cấp giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm; (4) điều kiện của thành viên góp vốn thành lập của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn; (5) điều kiện về cơ cấu cổ đông góp vốn thành lập doanh

ng nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm dưới hình thức công ty cổ phần; (6) điều kiện cấp giấy phép thành lập và hoạt động chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam; (7) tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài; (8) hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thành lập và hoạt động; (9) thời hạn cấp giấy phép thành lập và hoạt động; (10) thẩm quyền cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động, đình chỉ nội dung hoạt động; (11) công bố nội dung giấy phép thành lập và hoạt động; điều kiện trước khi chính thức hoạt động; (12) những thay đổi phải được chấp thuận hoặc phải thông báo; (13) thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động; (14) văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam; (15) cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt, thu hồi giấy phép đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam.

- Mục 2: Tổ chức hoạt động, gồm 05 điều (từ Điều 78 đến Điều 83), quy định về: (01) tổ chức hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam; (2) cơ cấu tổ chức quản lý của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm; (3) người quản lý, người kiểm soát của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam; (4) điều kiện, tiêu chuẩn đối với người quản lý, người kiểm soát của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam; (5) nguyên tắc đảm nhiệm chức vụ; đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Chuyên gia tính toán.

- Mục 3: Kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro, gồm 03 điều (từ Điều 84 đến Điều 86), quy định về: (1) kiểm soát nội bộ; (2) kiểm toán nội bộ; (3) quản trị rủi ro.

- Mục 4: Hoạt động nghiệp vụ, gồm 04 điều (từ Điều 87 đến Điều 90), quy định về: (1) xây dựng, thiết kế, phát triển và cung cấp sản phẩm bảo hiểm; (2) sản phẩm bảo hiểm có sự hỗ trợ của Nhà nước; (3) tái bảo hiểm, nhượng tái bảo hiểm, đồng bảo hiểm, Quỹ bảo hiểm xe cơ giới, quỹ rủi ro bảo hiểm; (4) hoạt động thuê ngoài.

- Mục 5: Chuyển giao danh mục hợp đồng bảo hiểm, gồm 03 điều (từ Điều 91 đến Điều 93), quy định về: (1) các trường hợp chuyển giao danh mục hợp đồng bảo hiểm; (2) điều kiện chuyển giao danh mục hợp đồng bảo hiểm; (3) thủ tục chuyển giao danh mục hợp đồng bảo hiểm.

- Mục 6: Tài chính, hạch toán kế toán và báo cáo tài chính, gồm 14 điều (từ Điều 94 đến Điều 108), quy định về: (1) vốn; (2) tỷ lệ an toàn vốn; (3) ký quỹ; (4) dự phòng nghiệp vụ; (5) quỹ dự trữ; (6) quy định chung về đầu tư; (7) đầu tư ra nước ngoài; (8) tách nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn phí bảo hiểm, phân chia thặng dư; (9) chế độ tài chính; năm tài chính; (10) chế độ kế toán; (11)

kiểm toán độc lập; (12) báo cáo và cung cấp thông tin; (13) chuyển lợi nhuận, tài sản ra nước ngoài; (14) quản trị tài chính.

- **Mục 7: Khả năng thanh toán và biện pháp can thiệp, gồm 07 điều (từ Điều 109 đến Điều 116)**, quy định về: (1) an toàn tài chính; (2) khả năng thanh toán; (3) biện pháp cải thiện; (4) biện pháp can thiệp sớm; (5) biện pháp kiểm soát; (6) giải thể doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chấm dứt hoạt động chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam; (7) phá sản doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm.

- **Mục 8: Công khai thông tin, gồm 03 điều (từ Điều 117 đến Điều 120)**, quy định về: (1) trách nhiệm công khai thông tin; (2) thông tin công khai định kỳ; (3) thông tin công khai thường xuyên; (4) thông tin công khai bất thường.

- **Mục 9: Đề phòng, hạn chế tổn thất, phòng, chống gian lận bảo hiểm, gồm 03 điều (từ Điều 121 đến Điều 123)**, quy định về: (1) trách nhiệm trong việc đề phòng, hạn chế tổn thất và phòng, chống gian lận bảo hiểm; (2) đề phòng, hạn chế tổn thất; (3) phòng, chống gian lận bảo hiểm.

4. Chương IV. Đại lý bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm, gồm 20 điều (từ Điều 124 đến Điều 143), gồm 9 mục:

- **Mục 1: Đại lý bảo hiểm, gồm 06 điều (từ Điều 124 đến Điều 130)**, quy định về: (1) đại lý bảo hiểm; (2) điều kiện hoạt động đại lý bảo hiểm; (3) nội dung hợp đồng đại lý bảo hiểm; (4) nguyên tắc hoạt động của đại lý bảo hiểm; (5) quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô trong hoạt động đại lý bảo hiểm; (6) quyền và nghĩa vụ của đại lý bảo hiểm; (7) chứng chỉ đại lý bảo hiểm.

- **Mục 2: Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, gồm 09 điều (từ Điều 131 đến Điều 139)**, quy định về: (1) nội dung hoạt động của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm; (2) nguyên tắc hoạt động môi giới bảo hiểm; (3) điều kiện cấp giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm; (4) hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thành lập và hoạt động doanh nghiệp môi giới bảo hiểm; (5) tổ chức và hoạt động; (6) những thay đổi phải được chấp thuận hoặc phải thông báo; (7) quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm; (8) nhân sự, vốn, tài chính, chế độ kế toán và báo cáo tài chính của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm; (9) chứng chỉ môi giới bảo hiểm.

- **Mục 3: Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm, gồm 04 điều (từ Điều 140 đến Điều 143)**, quy định về: (1) tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm; (2) nguyên tắc cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm; (3)

trách nhiệm của tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm; (4) điều kiện cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm.

5. Chương V. Bảo hiểm vi mô, gồm 07 điều (từ Điều 144 đến Điều 150) quy định về: (1) đặc điểm của sản phẩm bảo hiểm vi mô; (2) xây dựng, thiết kế, phát triển sản phẩm bảo hiểm vi mô; (3) tổ chức cung cấp bảo hiểm vi mô; (4) doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài cung cấp bảo hiểm vi mô; (5) tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô; (6) điều kiện cấp giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô; (7) nguyên tắc hoạt động của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô.

6. Chương VI. Quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh bảo hiểm, gồm 04 điều (từ Điều 151 đến Điều 154) quy định về: (1) quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh bảo hiểm; (2) cơ chế phối hợp trong quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh bảo hiểm; (3) quyền yêu cầu cung cấp thông tin của Bộ Tài chính trong thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính về hoạt động kinh doanh bảo hiểm và thanh tra hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

7. Chương VII. Điều khoản thi hành, gồm 03 điều (từ Điều 155 đến Điều 157) quy định: (1) về sửa đổi, bổ sung Phụ lục IV của Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15; (2) hiệu lực thi hành; (3) điều khoản chuyển tiếp.

III. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT

1. Những quy định chung

1.1. Về phạm vi điều chỉnh (Điều 1):

Điều 1 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022 (sau đây viết tắt là Luật năm 2022) quy định phạm vi điều chỉnh như sau:

*“1. Luật này quy định về tổ chức và hoạt động kinh doanh bảo hiểm; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia bảo hiểm; **quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh bảo hiểm.***

2. Luật này không áp dụng đối với bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tiền gửi và các loại bảo hiểm khác do Nhà nước thực hiện không mang tính kinh doanh”.

So với Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 đã được sửa đổi, bổ sung (sau đây viết tắt là Luật hiện hành) Luật năm 2022 sửa đổi theo hướng bổ sung quy định về hoạt động quản lý nhà nước đối với kinh doanh bảo hiểm, dù luật hiện hành có điều chỉnh quy định này nhưng chưa nêu tại phạm vi điều chỉnh.

1.2. Về đối tượng áp dụng (Điều 2): Đối tượng áp dụng của Luật bao gồm doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, đại lý bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô; chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam; văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam; bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm, người thụ hưởng; cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh bảo hiểm; tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

1.3. Về giải thích từ ngữ (Điều 4): Luật giải thích 29 từ ngữ, trong đó, sửa đổi, chuẩn hóa 06 thuật ngữ, bổ sung 05 thuật ngữ để phù hợp với thực tiễn và pháp luật có liên quan.

1.4. Về nguyên tắc cung cấp và sử dụng dịch vụ bảo hiểm (Điều 6): Luật quy định tổ chức, cá nhân tại Việt Nam có nhu cầu tham gia bảo hiểm chỉ được tham gia bảo hiểm tại doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô được cấp giấy phép thành lập và hoạt động tại Việt Nam, trừ trường hợp sử dụng dịch vụ bảo hiểm qua biên giới và giao Chính phủ quy định việc sử dụng và cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới phù hợp với các cam kết quốc tế.

1.5. Các loại hình bảo hiểm (Điều 7): Sửa đổi theo hướng phân loại thành 03 loại cơ bản theo thông lệ quốc tế là bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm sức khỏe và giao Chính phủ quy định chi tiết các nghiệp vụ bảo hiểm tương ứng với các loại hình bảo hiểm.

1.6. Về bảo hiểm bắt buộc (Điều 8):

Luật năm 2022 quy định bảo hiểm bắt buộc là sản phẩm bảo hiểm nhằm mục đích bảo vệ lợi ích công cộng, môi trường và an toàn xã hội. Bảo hiểm bắt buộc bao gồm: (1) Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới; (2) Bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc; (3) Bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng; (4) Bảo hiểm bắt buộc quy định tại luật khác đáp ứng yêu cầu nhằm mục đích bảo vệ lợi ích công cộng, môi trường và an toàn xã hội. Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm bắt buộc có nghĩa vụ mua bảo hiểm bắt buộc và được lựa chọn tham gia bảo hiểm bắt buộc tại doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được phép triển khai. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được phép triển khai bảo hiểm bắt buộc không được từ chối bán khi tổ chức, cá nhân đáp ứng đủ điều kiện mua bảo hiểm bắt buộc theo quy định của pháp luật.

Theo đó, Luật năm 2022 đã sửa đổi theo hướng bãi bỏ các loại bảo hiểm bắt buộc sau: (i) bảo hiểm trách nhiệm dân sự của người vận chuyển hàng không

đối với hành khách là loại hình bảo hiểm được thực hiện theo Luật Hàng không dân dụng Việt Nam và thông lệ quốc tế; (ii) bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đối với hoạt động tư vấn pháp luật và bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm có rủi ro không ảnh hưởng lớn đến lợi ích công cộng và an toàn xã hội, đây là trách nhiệm tổ chức cá nhân đối với hoạt động tư vấn các bên có thể tự thỏa thuận mức trách nhiệm tùy theo năng lực tài chính. Đồng thời giao Chính phủ quy định về điều kiện bảo hiểm, mức phí bảo hiểm, số tiền bảo hiểm.

1.7. Về hành vi bị nghiêm cấm (Điều 9): Luật năm 2022 được sửa đổi theo hướng chỉ quy định các hành vi bị nghiêm cấm điển hình, rõ ràng, có ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm và thị trường chung; không quy định các hành vi bị nghiêm cấm đã được quy định tại các luật khác.

1.8. Về tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm (Điều 10): Luật năm 2022 sửa đổi nhằm tạo cơ sở pháp lý để giao trách nhiệm cho tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong việc phát triển nghề nghiệp, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của thành viên như ban hành Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp và các nhiệm vụ khác.

1.9. Về cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm (Điều 11): Luật năm 2022 bổ sung quy định về cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm nhằm tạo cơ sở pháp lý để xây dựng, thu thập, sử dụng, lưu giữ, quản lý và cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm phục vụ cho mục đích quản lý, giám sát và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các bên trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

1.10. Về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm (Điều 12): Luật năm 2022 bổ sung nguyên tắc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm; yêu cầu về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm; đối tượng và hình thức cung cấp dịch vụ, sản phẩm bảo hiểm trên môi trường mạng; nguyên tắc cung cấp dịch vụ, sản phẩm bảo hiểm trên môi trường mạng.

2. Hợp đồng bảo hiểm (Chương II)

Để bảo đảm nguyên tắc bình đẳng, minh bạch và an toàn cho các giao dịch bảo hiểm, Luật Kinh doanh bảo hiểm đã sửa đổi quy định hiện hành cũng như bổ sung các quy định mới để đáp ứng sự phát triển của thị trường bảo hiểm nói chung và chế định hợp đồng bảo hiểm nói riêng. Chế định hợp đồng bảo hiểm có vai trò quan trọng trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm, đảm bảo quyền lợi của doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm. Các nội dung sửa đổi, bổ sung

quy định liên quan đến hợp đồng bảo hiểm tại Luật Kinh doanh bảo hiểm được thể hiện cụ thể như sau:

- Các sửa đổi, bổ sung để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật có liên quan, bao gồm: nội dung, hình thức, hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm; các trường hợp đơn phương, hủy bỏ, chấm dứt hợp đồng...

- Các sửa đổi, bổ sung để chuẩn hóa quy định về hợp đồng bảo hiểm, bao gồm: phân loại rõ các loại hợp đồng bảo hiểm tương ứng với các loại hình bảo hiểm; làm rõ đối tượng được bảo hiểm, quyền lợi được bảo hiểm đối với từng loại hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm tài sản, bảo hiểm thiệt hại, bảo hiểm trách nhiệm, minh bạch trong các thông tin cung cấp, công bằng về quyền lợi và nghĩa vụ khác đối với cả doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm;...

- Các sửa đổi, bổ sung để tôn trọng quyền tự thỏa thuận giữa các bên trong giao kết hợp đồng bảo hiểm, bao gồm: bổ sung các nguyên tắc giao kết và thực hiện hợp đồng bảo hiểm, quyền thỏa thuận giữa các bên để xây dựng hợp đồng bảo hiểm; bổ sung thời gian cân nhắc tham gia bảo hiểm;...

- Các sửa đổi, bổ sung nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đáp ứng yêu cầu thực tiễn nhằm giảm thiểu tranh chấp phát sinh trong thời gian qua, bao gồm: yêu cầu về trách nhiệm cung cấp thông tin, các vấn đề liên quan đến trả tiền bảo hiểm; bổ sung quy định về hợp đồng bảo hiểm nhóm;...

3. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam (Chương III)

3.1. Về cấp giấy phép thành lập và hoạt động (mục 1 chương III): Luật năm 2022 bổ sung theo hướng mở rộng phạm vi hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm sang một số sản phẩm bảo hiểm thuộc lĩnh vực bảo hiểm khác; sửa đổi, bổ sung điều kiện cấp phép thành lập và hoạt động nhằm thu hút thêm nhà đầu tư mới theo hướng: (i) bổ sung quy định về việc thành lập chi nhánh doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài tại Việt Nam để chủ động thực hiện các cam kết quốc tế; (ii) cho phép các tập đoàn tài chính có hoạt động kinh doanh bảo hiểm được thành lập doanh nghiệp bảo hiểm tại Việt Nam; (iii) đơn giản điều kiện cho các doanh nghiệp bảo hiểm đã được cấp giấy phép tại Việt Nam muốn thành lập doanh nghiệp bảo hiểm mới; (iv) bổ tài liệu về quy tắc, điều khoản, biểu phí tại hồ sơ xin cấp giấy phép thành lập và hoạt động nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính; (v) bổ sung quy định sau khi cấp, sửa đổi, bổ sung hoặc thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động, Bộ Tài chính có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam đặt trụ sở chính để cập nhật vào

Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; (vi) bổ sung quy định khẳng định nhà đầu tư nước ngoài được sở hữu cổ phần, phần vốn góp đến 100% vốn điều lệ của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm để đảm bảo rõ ràng...

3.2. Về tổ chức hoạt động (mục 2 chương III): Luật năm 2022 bổ sung các quy định về tổ chức hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, bao gồm các hiện diện thương mại (trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện...), cơ cấu tổ chức quản lý của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, người quản lý, người kiểm soát của doanh nghiệp bảo hiểm doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam; các nguyên tắc phân công, đảm nhiệm chức vụ nhằm tránh kiêm nhiệm nhiều, miễn nhiệm, bãi nhiệm, đình chỉ, tạm đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng thành viên/Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Chuyên gia tính toán nhằm bảo vệ quyền và lợi ích của bên mua bảo hiểm.

3.3. Về kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro (mục 3 chương III): Luật năm 2022 bổ sung các quy định về kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro theo thông lệ quốc tế, phù hợp với tính chất hoạt động kinh doanh bảo hiểm nhằm bảo đảm tuân thủ pháp luật, phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro, đánh giá độc lập về tính thích hợp và sự tuân thủ quy định, chính sách nội bộ, thủ tục, quy trình, xác định, đánh giá, đo lường, giám sát, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro của doanh nghiệp bảo hiểm.

3.4. Về hoạt động nghiệp vụ (mục 4 chương III): Luật năm 2022 bổ sung các quy định cho phép doanh nghiệp bảo hiểm chủ động thiết kế, xây dựng sản phẩm bảo hiểm; doanh nghiệp bảo hiểm chỉ phải đăng kí với Bộ Tài chính phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm xe cơ giới (trừ bảo hiểm bắt buộc) nhằm tạo chủ động trong hoạt động kinh doanh cho doanh nghiệp; bổ sung quy định điều kiện trong trường hợp thuê ngoài.

3.5. Về chuyển giao hợp đồng bảo hiểm (mục 5 chương III): Luật năm 2022 sửa đổi quy định về việc chuyển giao hợp đồng bảo hiểm theo hướng bổ sung trường hợp Bộ Tài chính chỉ định nếu doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam không đáp ứng yêu cầu về an toàn tài chính, bổ sung các điều kiện chuyển giao theo hướng nếu không đồng ý, bên mua bảo hiểm có quyền chấm dứt hợp đồng bảo hiểm và nhận lại giá trị hoàn lại/giá trị tài khoản của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm hưu trí hoặc phí bảo hiểm tương ứng với thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm tử kì/sinh kỳ thuộc bảo hiểm nhân thọ.

3.6. Về tài chính, hạch toán kế toán và báo cáo (mục 6 chương III):

- *Về vốn*: Sửa đổi theo hướng phân loại rõ ràng từng loại vốn của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm trong quá trình hoạt động kinh doanh, bổ sung khái niệm vốn thực có; bổ sung yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm phải luôn duy trì tỷ lệ an toàn vốn nhằm đảm bảo vốn tương ứng với quy mô và mức độ rủi ro của các nhóm rủi ro cơ bản, bao gồm: rủi ro từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm, rủi ro từ hoạt động đầu tư, rủi ro từ hoạt động điều hành chung, rủi ro từ các đối tác khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm.

- *Về dự phòng nghiệp vụ*: Bổ sung các yêu cầu trích lập dự phòng nghiệp vụ, bao gồm tương ứng với phần trách nhiệm đã cam kết theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm; tách biệt giữa các hợp đồng bảo hiểm giao kết trên phạm vi lãnh thổ Việt Nam và các hợp đồng bảo hiểm giao kết ngoài phạm vi lãnh thổ, kể cả trong cùng một nghiệp vụ, sản phẩm bảo hiểm; phải luôn có tài sản tương ứng với dự phòng nghiệp vụ đã trích lập; phải sử dụng chuyên gia tính toán đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Tài chính để tính toán, trích lập dự phòng nghiệp vụ; phải thường xuyên rà soát, đánh giá việc trích lập dự phòng nghiệp vụ; kịp thời có các biện pháp nhằm đảm bảo trích lập đầy đủ dự phòng để chi trả cho các trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm.

- *Về hoạt động đầu tư*: Bãi bỏ quy định về danh mục đầu tư do áp dụng mô hình vốn tương ứng với quy mô và mức độ rủi ro; bổ sung quy định về các nguồn vốn đầu tư, nguyên tắc đầu tư và những điều không được làm như đầu tư vào kim loại quý, vào tài sản vô hình, vào chứng khoán phái sinh,.. nhằm đảm bảo an toàn, phù hợp với tính chất hoạt động kinh doanh bảo hiểm; bổ sung quy định về đầu tư ra nước ngoài, định giá tài sản đầu tư.

- *Về tách nguồn vốn chủ sở hữu, nguồn phí bảo hiểm*: Bổ sung yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, doanh nghiệp tái bảo hiểm phải tách, ghi nhận và theo dõi riêng đối với nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn phí bảo hiểm thu được của bên mua bảo hiểm; doanh thu, chi phí từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm, hoạt động đầu tư, kết quả hoạt động kinh doanh tương ứng; nguồn phí bảo hiểm thu được của bên mua bảo hiểm từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam và tại nước ngoài; doanh thu, chi phí, dự phòng, các khoản chi phí tương ứng; phân chia thặng dư đối với các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ có chia lãi.

- *Về kiểm toán độc lập*: Được bổ sung nhằm nâng cao trách nhiệm của kiểm toán đối với an toàn tài chính của doanh nghiệp bảo hiểm theo hướng quy định yêu cầu có ý kiến xác nhận của kiểm toán độc lập hàng năm đối với Báo cáo đánh giá khả năng thanh toán và quản trị rủi ro; bổ sung quy định về trách nhiệm của tổ chức kiểm toán độc lập, bao gồm: Tuân thủ quy định của pháp luật,

Sử dụng chuyên gia tính toán; chuyên gia về quản trị rủi ro và các chuyên gia khác tương ứng với nội dung kiểm toán; Giải trình, cung cấp thông tin, số liệu liên quan đến hoạt động kiểm toán doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm trong trường hợp có yêu cầu của Bộ Tài chính; Thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính trường hợp phát hiện có sai phạm trọng yếu do không tuân thủ pháp luật, có gian lận bảo hiểm hoặc có giao dịch bất thường ảnh hưởng nghiêm trọng đến an toàn tài chính hoặc quyền lợi của người tham gia bảo hiểm; Bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật,...

- *Về báo cáo tài chính, báo cáo nghiệp vụ, báo cáo bất thường*: Được bổ sung quy định báo cáo khi xảy ra những diễn biến bất thường có nguy cơ mất khả năng thanh toán, uy tín doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm; khi không đáp ứng yêu cầu về tài chính theo quy định nhằm kiểm soát, can thiệp sớm từ phía Bộ Tài chính.

- *Về khả năng thanh toán*: Bãi bỏ quy định về biên khả năng thanh toán lớn hơn biên khả năng thanh toán tối thiểu theo mô hình Biên khả năng thanh toán 1, thay thế bằng quy định tỷ lệ an toàn vốn theo hướng dẫn của Bộ Tài chính phù hợp với mô hình vốn tương ứng quy mô và mức độ rủi ro.

- *Về các biện pháp can thiệp*: Bổ sung quy định về an toàn tài chính, trong trường hợp tỷ lệ an toàn vốn ở mức phải áp dụng biện pháp can thiệp, biện pháp cải thiện sớm, biện pháp kiểm soát, quy định trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, chủ sở hữu, thành viên góp vốn, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát,...

- *Về công khai thông tin*: Bổ sung yêu cầu công khai thông tin định kỳ (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, Báo cáo khả năng thanh toán và quản trị rủi ro); bổ sung yêu cầu công khai thông tin thường xuyên (thông tin về hồ sơ doanh nghiệp, thông tin về hoạt động nghiệp vụ, thông tin về quản trị doanh nghiệp); Bổ sung yêu cầu công khai thông tin bất thường đồng thời giao Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể.

- *Về đề phòng hạn chế tổn thất và phòng, chống gian lận bảo hiểm*: Bổ sung quy định về nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm và người được bảo hiểm khi xảy ra tổn thất, quy định về đề phòng, hạn chế tổn thất của doanh nghiệp bảo hiểm; Bổ sung quy định doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm xây dựng quy trình khai thác, thẩm định, bồi thường để xác định, đánh giá đầy đủ, chính xác các thông tin cần thiết về người được bảo hiểm, đối tượng được bảo hiểm, người thụ hưởng bảo hiểm, hồ sơ, tài liệu có liên quan trước khi có quyết định bảo hiểm, chi trả tiền/bồi thường bảo hiểm, phòng chống gian lận bảo hiểm, rửa tiền, tài trợ khủng bố.

4. Đại lý bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, dịch vụ phụ trợ bảo hiểm (Chương IV)

- *Về đại lý bảo hiểm*: Sửa đổi, bổ sung quy định về điều kiện hoạt động đại lý bảo hiểm, quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp bảo hiểm, của đại lý bảo hiểm; nguyên tắc hoạt động của đại lý, những điều đại lý bảo hiểm không được làm, chứng chỉ đại lý bảo hiểm.

- *Về doanh nghiệp môi giới bảo hiểm*: Bổ sung khái niệm hoạt động môi giới bảo hiểm (môi giới bảo hiểm gốc, môi giới tái bảo hiểm), quyền của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, nguyên tắc hoạt động môi giới bảo hiểm,...

5. Bảo hiểm vi mô (Chương V)

Bổ sung quy định về sản phẩm bảo hiểm vi mô, xây dựng, thiết kế, phát triển sản phẩm bảo hiểm vi mô, tổ chức cung cấp bảo hiểm vi mô, nguyên tắc hoạt động của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô để tạo hành lang pháp lý cho việc phát triển bảo hiểm vi mô. Quy định về bảo hiểm vi mô cũng đã được rà soát đảm bảo đáp ứng các Hiệp định song phương và đa phương có cam kết về kinh doanh bảo hiểm.

6. Quản lý nhà nước về kinh doanh bảo hiểm (Chương VI)

- *Về cơ quan quản lý nhà nước về kinh doanh bảo hiểm*: Sửa đổi theo hướng gộp quy định về nội dung quản lý nhà nước và cơ quan quản lý nhà nước; bổ sung nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tài chính trong quản lý, giám sát, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

- *Về cơ chế phối hợp trong quản lý nhà nước*: Bổ sung quy định Bộ Tài chính phối hợp với các cơ quan quản lý bảo hiểm nước ngoài trong việc phối hợp quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra đối với các chi nhánh của doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài tại Việt Nam; thiết lập cơ chế chia sẻ thông tin quản lý, giám sát cùng với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các bộ, ngành khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

7. Điều khoản thi hành (Chương VII)

- *Về chuyển tiếp*: Để tạo điều kiện cho doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm hoàn thiện hệ thống, đào tạo cán bộ, Luật Kinh doanh bảo hiểm quy định:

+ Sau 5 năm kể từ ngày Luật Kinh doanh bảo hiểm có hiệu lực, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài phải áp dụng các quy định về vốn, khả năng thanh toán, đầu tư.

+ Các hợp đồng bảo hiểm đã giao kết trước ngày 01/01/2023 và còn thời hạn hợp đồng thì tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm giao

kết hợp đồng bảo hiểm, trừ trường hợp các bên tham gia hợp đồng bảo hiểm có thỏa thuận về việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng để phù hợp với Luật này và để áp dụng quy định của Luật năm 2022.

+ Chứng chỉ đại lý bảo hiểm được cấp trước ngày 01/01/2023 được tiếp tục sử dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025. Bộ Tài chính quy định chi tiết việc chuyển đổi chứng chỉ đại lý bảo hiểm được cấp trước ngày 01/01/2023 sang chứng chỉ đại lý bảo hiểm theo quy định của Luật năm 2022.

+ Chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm, chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm được cấp trước ngày 01/01/2023 được tiếp tục sử dụng.

+ Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài dừng trích nộp Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm.

- *Về hiệu lực thi hành:* Luật Kinh doanh bảo hiểm có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Các Ban Đảng TU, VP TU;
- UBKT Tỉnh uỷ;
- Các Ban của HĐND tỉnh, VPHĐND tỉnh;
- UBMTTQ& TCCTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Hội LG tỉnh; Đoàn LS tỉnh;
- Các tổ chức đại diện của DN, HTX;
- Báo cáo viên PL tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Các DNNN thuộc tỉnh quản lý;
- Các DNNN trung ương đóng tại địa phương tương đương cấp tỉnh
- Phòng TP huyện, TP;
- Trang TTĐT STP, PBGDPL tỉnh (đăng tải);
- Lưu: XDKTTHPL&PBGDPL (VTM.Hiền)

để
tuyên
truyền

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYÊN QUANG